BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005
Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1**
Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024)
Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100085	Nguyễn Thị Kim	**Anh**	02/02/1997			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT3	
2	2010100057	Huỳnh Thị Khánh	**Băng**	19/11/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT2	
3	2010100075	Nguyễn Thị Mộng	**Bình**	08/04/2001			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT3	
4	2010100048	Nguyễn Thị Thanh	**Bình**	01/01/2002			7.0	Bảy	C22QT2	
5	2010100079	Nguyễn Hữu	**Cảnh**	06/08/2001			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT3	
6	2010100045	Nguyễn Thị Kim	**Chi**	03/08/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT2	
7	2010100044	Nguyễn Minh Trường	**Duy**	18/05/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT2	
8	2010100038	Nguyễn Thị Thùy	**Dương**	22/11/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT2	
9	2010100080	Lê Quốc	**Đạt**	23/10/2002			7.0	Bảy	C22QT3	
10	2010100039	Quan Chí	**Hào**	04/10/2002			8.0	Tám	C22QT2	
11	2010100099	Trần Thúy	**Hằng**	06/08/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT3	
12	2010100050	Lê Thị Thảo	**Hân**	07/03/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT2	
13	2010100051	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	26/11/2002			7.0	Bảy	C22QT2	
14	2010100058	Nguyễn Công	**Hậu**	25/01/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT2	
15	2010100093	Cù Thanh	**Hưng**	28/01/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT3	
16	2010100036	Chung Thị Thúy	**Lan**	12/15/2002			7.0	Bảy	C22QT2	
17	2010100104	Phan Thị Yến	**Linh**	03/02/2000			8.0	Tám	C22QT3	
18	2010100068	Hồ Thị Kim	**Loan**	02/03/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT2	
19	1910010031	Nguyễn Thành	**Lộc**	11/02/2001					C21QT2	SV học tới thi
20	2010100078	Lê Vủ	**Luân**	20/11/2001			8.5	Tám phẩy năm	C22QT3	
21	2010100076	Trần Thảo	**Nguyên**	09/12/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT3	
22	2010100086	Lê Thị Ý	**Nhi**	01/11/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT3	
23	2010100043	Nguyễn Thị Hồng	**Nhung**	22/05/2002			7.0	Bảy	C22QT2	
24	2010100060	Nguyễn Minh	**Phúc**	07/10/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT2	
25	2010100095	Dương Thị Thảo	**Phương**	17/04/2002			5.5	Năm phẩy năm	C22QT3	
26	2010040070	Nguyễn Duy	**Phương**	20/05/2002			7.0	Bảy	C22QT3	
27	2010100092	Nguyễn Thị Hoài	**Phương**	15/09/2000			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT3	
28	2010100074	Nguyễn Tấn	**Tài**	12/08/2002			8.0	Tám	C22QT3	
29	2010100094	Nguyễn Minh	**Tâm**	08/01/2002			7.0	Bảy	C22QT3	
30	2010100084	Hồ Thị Thanh	**Thảo**	04/10/2002			7.0	Bảy	C22QT3	
31	2010100090	Trần Thu	**Thảo**	06/06/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT3	
32	2010100177	Trần Thu	**Thảo**	29/08/2001			6.0	Sáu	C22QT3	
33	2010100178	Cao Hoàng	**Thái**	26/11/2001			7.0	Bảy	C22QT3	
34	2010100096	Võ Thị Hồng	**Thắm**	12/04/2002			5.5	Năm phẩy năm	C22QT3	

Ngày in: 14:31 28/01/2021

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100063	Lư Huỳnh Duy	**Thuận**	19/06/2002			8.0	Tám	C22QT2	
36	2010100088	Nguyễn Thị Kim	**Thuận**	06/09/2002			7.0	Bảy	C22QT3	
37	2010100037	Nguyễn Thanh	**Thủy**	19/10/2002			7.0	Bảy	C22QT2	
38	2010100053	Nguyễn Thị Minh	**Thư**	23/02/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT2	
39	2010100049	Phan Triệu	**Thương**	08/09/2002			9.0	Chín	C22QT2	
40	2010100089	Nguyễn Thị Huyền	**Trân**	04/05/2002			7.0	Bảy	C22QT3	
41	2010100105	Phan Thành	**Triệu**	07/08/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT3	
42	2010100097	Phan Trọng	**Văn**	28/02/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT3	
43	2010100087	Nguyễn Thị Tường	**Vi**	18/11/2002			6.0	Sáu	C22QT3	
44	2010100055	Đặng Hoàng Thúy	**Vy**	13/12/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT2	
45	2010100102	Nguyễn Thị Kim	**Xuyến**	30/12/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT3	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 44 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** 44 / 45 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 44 / 01 **Tỷ lệ đạt:** 97,7 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 28 *tháng* 01 *năm* 21

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Hoàng Lê Thiết

Ngày in: 14:31 28/01/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100085	Nguyễn Thị Kim	**Anh**	02/02/1997		8.0	Tám	C22QT3	
2	2010100057	Huỳnh Thị Khánh	**Băng**	19/11/2002		8.0	Tám	C22QT2	
3	2010100075	Nguyễn Thị Mộng	**Bình**	08/04/2001		7.0	Bảy	C22QT3	
4	2010100048	Nguyễn Thị Thanh	**Bình**	01/01/2002		8.0	Tám	C22QT2	
5	2010100079	Nguyễn Hữu	**Cảnh**	06/08/2001		9.0	Chín	C22QT3	
6	2010100045	Nguyễn Thị Kim	**Chi**	03/08/2002		8.0	Tám	C22QT2	
7	2010100044	Nguyễn Minh Trường	**Duy**	18/05/2002		8.0	Tám	C22QT2	
8	2010100038	Nguyễn Thị Thùy	**Dương**	22/11/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
9	2010100080	Lê Quốc	**Đạt**	23/10/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
10	2010100039	Quan Chí	**Hào**	04/10/2002		8.0	Tám	C22QT2	
11	2010100099	Trần Thúy	**Hằng**	06/08/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
12	2010100050	Lê Thị Thảo	**Hân**	07/03/2002		8.0	Tám	C22QT2	
13	2010100051	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	26/11/2002		8.0	Tám	C22QT2	
14	2010100058	Nguyễn Công	**Hậu**	25/01/2002		8.0	Tám	C22QT2	
15	2010100093	Cù Thanh	**Hưng**	28/01/2002		9.0	Tám	C22QT3	
16	2010100036	Chung Thị Thúy	**Lan**	12/15/2002		8.0	Tám	C22QT2	
17	2010100104	Phan Thị Yến	**Linh**	03/02/2000		9.0	Chín	C22QT3	
18	2010100068	Hồ Thị Kim	**Loan**	02/03/2002		8.0	Tám	C22QT2	
19	1910010031	Nguyễn Thành	**Lộc**	11/02/2001				C21QT2	SV vắng thi
20	2010100078	Lê Vủ	**Luân**	20/11/2001		9.0	Chín	C22QT3	
21	2010100076	Trần Thảo	**Nguyên**	09/12/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
22	2010100086	Lê Thị Ý	**Nhi**	01/11/2002		8.0	Tám	C22QT3	
23	2010100043	Nguyễn Thị Hồng	**Nhung**	22/05/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
24	2010100060	Nguyễn Minh	**Phúc**	07/10/2002		8.0	Tám	C22QT2	
25	2010100095	Dương Thị Thảo	**Phương**	17/04/2002		6.0	Sáu	C22QT3	
26	2010040070	Nguyễn Duy	**Phương**	20/05/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
27	2010100092	Nguyễn Thị Hoài	**Phương**	15/09/2000		7.0	Bảy	C22QT3	
28	2010100074	Nguyễn Tấn	**Tài**	12/08/2002		8.0	Tám	C22QT3	
29	2010100094	Nguyễn Minh	**Tâm**	08/01/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
30	2010100084	Hồ Thị Thanh	**Thảo**	04/10/2002		8.0	Tám	C22QT3	
31	2010100090	Trần Thu	**Thảo**	06/06/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
32	2010100177	Trần Thu	**Thảo**	29/08/2001		6.0	Sáu	C22QT3	
33	2010100178	Cao Hoàng	**Thái**	26/11/2001		8.0	Tám	C22QT3	
34	2010100096	Võ Thị Hồng	**Thắm**	12/04/2002		6.0	Sáu	C22QT3	

Ngày in: 14:30 28/01/2021

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100063	Lư Huỳnh Duy	**Thuận**	19/06/2002		9.0	Chín	C22QT2	
36	2010100088	Nguyễn Thị Kim	**Thuận**	06/09/2002		8.0	Tám	C22QT3	
37	2010100037	Nguyễn Thanh	**Thủy**	19/10/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
38	2010100053	Nguyễn Thị Minh	**Thư**	23/02/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
39	2010100049	Phan Triệu	**Thương**	08/09/2002		9.0	Chín	C22QT2	
40	2010100089	Nguyễn Thị Huyền	**Trân**	04/05/2002		8.0	Tám	C22QT3	
41	2010100105	Phan Thành	**Triệu**	07/08/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
42	2010100097	Phan Trọng	**Văn**	28/02/2002		8.0	Tám	C22QT3	
43	2010100087	Nguyễn Thị Tường	**Vi**	18/11/2002		6.0	Sáu	C22QT3	
44	2010100055	Đặng Hoàng Thúy	**Vy**	13/12/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
45	2010100102	Nguyễn Thị Kim	**Xuyến**	30/12/2002		8.0	Tám	C22QT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 44 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi:** 44 / 45 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 44 / 01 **Tỷ lệ đạt:** 97,7 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ
P.
KHẢO TH

Ngày 28 tháng 01 năm 21

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Hoàng Tô Khiết

Ngày in: 14:30 28/01/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100085	Nguyễn Thị Kim	Anh	02/02/1997		5.0	Năm	C22QT3	
2	2010100057	Huỳnh Thị Khánh	Băng	19/11/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
3	2010100075	Nguyễn Thị Mộng	Bình	08/04/2001		6.0	Sáu	C22QT3	
4	2010100048	Nguyễn Thị Thanh	Bình	01/01/2002		6.0	Sáu	C22QT2	
5	2010100079	Nguyễn Hữu	Cảnh	06/08/2001		6.0	Sáu	C22QT3	
6	2010100045	Nguyễn Thị Kim	Chi	03/08/2002		5.0	Năm	C22QT2	
7	2010100044	Nguyễn Minh Trường	Duy	18/05/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
8	2010100038	Nguyễn Thị Thùy	Dương	22/11/2002		6.0	Sáu	C22QT2	
9	2010100080	Lê Quốc	Đạt	23/10/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
10	2010100039	Quan Chí	Hào	04/10/2002		8.0	Tám	C22QT2	
11	2010100099	Trần Thúy	Hằng	06/08/2002		6.0	Sáu	C22QT3	
12	2010100050	Lê Thị Thảo	Hân	07/03/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
13	2010100051	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	26/11/2002		6.0	Sáu	C22QT2	
14	2010100058	Nguyễn Công	Hậu	25/01/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
15	2010100093	Cù Thanh	Hưng	28/01/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
16	2010100036	Chung Thị Thúy	Lan	12/15/2002		6.0	Sáu	C22QT2	
17	2010100104	Phan Thị Yến	Linh	03/02/2000		7.0	Bảy	C22QT3	
18	2010100068	Hồ Thị Kim	Loan	02/03/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
19	1910010031	Nguyễn Thành	Lộc	11/02/2001				C21QT2	SV xin thi sau
20	2010100078	Lê Vủ	Luân	20/11/2001		8.0	Tám	C22QT3	
21	2010100076	Trần Thảo	Nguyên	09/12/2002		6.0	Sáu	C22QT3	
22	2010100086	Lê Thị Ý	Nhi	01/11/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
23	2010100043	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	22/05/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
24	2010100060	Nguyễn Minh	Phúc	07/10/2002		5.0	Năm	C22QT2	
25	2010100095	Dương Thị Thảo	Phương	17/04/2002		5.0	Năm	C22QT3	
26	2010040070	Nguyễn Duy	Phương	20/05/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
27	2010100092	Nguyễn Thị Hoài	Phương	15/09/2000		5.0	Năm	C22QT3	
28	2010100074	Nguyễn Tấn	Tài	12/08/2002		8.0	Tám	C22QT3	
29	2010100094	Nguyễn Minh	Tâm	08/01/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
30	2010100084	Hồ Thị Thanh	Thảo	04/10/2002		6.0	Sáu	C22QT3	
31	2010100090	Trần Thu	Thảo	06/06/2002		6.0	Sáu	C22QT3	
32	2010100177	Trần Thu	Thảo	29/08/2001		6.0	Sáu	C22QT3	
33	2010100178	Cao Hoàng	Thái	26/11/2001		6.0	Sáu	C22QT3	
34	2010100096	Võ Thị Hồng	Thắm	12/04/2002		5.0	Năm	C22QT3	

Ngày in: 14:31 28/01/2021

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100063	Lư Huỳnh Duy	**Thuận**	19/06/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
36	2010100088	Nguyễn Thị Kim	**Thuận**	06/09/2002		6.0	Sáu	C22QT3	
37	2010100037	Nguyễn Thanh	**Thủy**	19/10/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
38	2010100053	Nguyễn Thị Minh	**Thư**	23/02/2002		6.0	Sáu	C22QT2	
39	2010100049	Phan Triệu	**Thương**	08/09/2002		9.0	Chín	C22QT2	
40	2010100089	Nguyễn Thị Huyền	**Trân**	04/05/2002		6.0	Sáu	C22QT3	
41	2010100105	Phan Thành	**Triệu**	07/08/2002		8.0	Tám	C22QT3	
42	2010100097	Phan Trọng	**Văn**	28/02/2002		7.0	Bảy	C22QT3	
43	2010100087	Nguyễn Thị Tường	**Vi**	18/11/2002		6.0	Sáu	C22QT3	
44	2010100055	Đặng Hoàng Thúy	**Vy**	13/12/2002		6.0	Sáu	C22QT2	
45	2010100102	Nguyễn Thị Kim	**Xuyến**	30/12/2002		7.0	Bảy	C22QT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 45 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi:** 44 / 45 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 44 / 01 **Tỷ lệ đạt:** 97,7 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG
KHẢO T

Ngày 28 tháng 01 năm 21

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hoàng Vũ Khiết

Ngày in: 14:31 28/01/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710100036	Nguyễn Văn	**Điền**	29/08/1997	Điền		8.0	Tám	C19QT1	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi/Số tờ:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 00 **Tỷ lệ đạt:** 100,00 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 04 *tháng* 03 *năm* 21
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hoàng Lê Khiết

Ngày in: 07:32 04/03/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710100036	Nguyễn Văn	**Điền**	29/08/1997	Điền	8.0	Tám	C19QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 00 **Tỷ lệ đạt:** 100,00 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 04 *tháng* 03 *năm* 21

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hoàng Lê Khiết

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HEPZA TRƯỜNG ... QTDN PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710100036	Nguyễn Văn	**Điền**	29/08/1997	Điền	8.0	Tám	C19QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 00 **Tỷ lệ đạt:** 100 , 00 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày. 01 *tháng* 03 *năm* 21

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hoàng Lê Khiết

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005 Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1** Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024) Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____ Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100077	Huỳnh Minh	**Nhí**	13/09/2002		9.0	Chín	C22QT3	Nợ HP

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 00 **Tỷ lệ đạt:** 100 , 00 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày. 01 *tháng* 03 *năm* 21

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hoàng Lê Khiết

Ngày in: 08:58 04/03/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100077	Huỳnh Minh	Nhí	13/09/2002	Nhí	8.0	Tám	C22QT3	Nợ HP

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 00 **Tỷ lệ đạt:** 100,00 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 04 tháng 03 năm 21

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hoàng Lê Khiết

Ngày in: 08:58 04/03/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005
Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1**
Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100077	Huỳnh Minh	**Nhí**	13/09/2002	Nhí		8.5	Tám phẩy năm	C22QT3	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi/Số tờ:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 00 **Tỷ lệ đạt:** 100,00 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 4 *tháng* 3 *năm* 21
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hoàng Lê Khiết

Ngày in: 08:58 04/03/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005
Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1**
Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024)
Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100034	Phạm Thị Hồng	**Duyên**	21/05/2002			7.0	Bảy	C22QT1	
2	2010100010	Từ Thị Mỹ	**Duyên**	01/01/2002			6.0	Sáu	C22QT1	
3	2010100016	Nguyễn Thị Hồng	**Đào**	05/07/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT1	
4	2010100004	Lương Diễm	**Hằng**	28/07/2001			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT1	
5	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ	**Hân**	29/09/2002			8.0	Tám	C22QT2	
6	2010100021	Trần Thị Bảo	**Hân**	26/04/2002			7.0	Bảy	C22QT1	
7	2010100006	Nguyễn Văn	**Hoàn**	08/03/2001			9.0	Chín	C22QT1	
8	2010100069	Nguyễn Nhật	**Huy**	29/10/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT2	
9	2010100059	Đoàn Thị Diễm	**Kiều**	02/02/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT2	
10	2010100076	Hà Thị Phương	**Kiều**	13/02/2002			8.0	Tám	C22QT2	
11	2010130043	Nguyễn Thị Nhật	**Lan**	23/10/2002					C22QT1	Cấm thi vì nghỉ quá buổi
12	2010100033	Lê Hoàng	**Long**	09/10/2002			8.0	Tám	C22QT1	
13	2010100026	Nguyễn Thị Xuân	**Mai**	27/06/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT1	
14	2010100031	Nguyễn Trúc	**Mai**	12/12/2002			5.5	Năm phẩy năm	C22QT1	
15	2010100013	Võ Hoàng	**Nam**	15/10/2002			7.0	Bảy	C22QT1	
16	2010100027	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**	29/06/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT1	
17	2010100071	Phan Vũ Hồng	**Ngọc**	09/08/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT2	
18	2010100052	Trần Thành	**Nhân**	24/05/2002			8.0	Tám	C22QT2	
19	2010010043	Lê Huỳnh	**Như**	28/08/2002			8.5	Tám phẩy năm	C22QT1	
20	2010100029	Võ Trúc	**Như**	13/04/2001			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT1	
21	2010100032	Nguyễn Thị Hồng	**Phúc**	07/07/2001			7.0	Bảy	C22QT1	
22	2010100009	Tạ Ngọc Như	**Quỳnh**	22/09/1999			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT1	
23	2010100067	Nguyễn Việt	**Thanh**	05/05/2001			8.0	Tám	C22QT2	
24	2010100024	Đỗ Thị Thu	**Thảo**	04/10/2002			8.0	Tám	C22QT1	
25	2010100056	Nguyễn Thị Thanh	**Thảo**	30/09/2002			8.0	Tám	C22QT2	
26	2010100015	Nguyễn Thị Anh	**Thi**	30/05/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT1	
27	2010100011	Nguyễn Anh	**Thư**	12/05/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT1	
28	2010100001	Nguyễn Thị Minh	**Thư**	06/03/2001			7.0	Bảy	C22QT1	
29	2010100025	Trần Thị Minh	**Thư**	15/10/2002			6.5	Sáu phẩy năm	C22QT1	
30	2010100017	Nguyễn Thị Bích	**Trăm**	05/07/2002			5.5	Năm phẩy năm	C22QT1	
31	2010100035	Võ Thị Ngọc	**Trâm**	17/12/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT1	
32	2010100012	Đào Thị Diễm	**Trinh**	18/12/2002			7.0	Bảy	C22QT1	
33	2010100014	Phạm Thị Phương	**Trinh**	06/07/2002			7.5	Bảy phẩy năm	C22QT1	
34	2010100022	Võ Thị Cẩm	**Vân**	14/02/2002			7.0	Bảy	C22QT1	

Ngày in: 14:34 28/01/2021

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100061	Nguyễn Thị Thúy	Vy	11/05/2002	Vy		7.0	Bảy	C22QT2	
36	2010100023	Huỳnh Bảo	Yến	11/11/2002			7.0	Bảy	C22QT1	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 35 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** 35 / 36 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 35 / 01 **Tỷ lệ đạt:** 97,2 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 28 tháng 01 năm 21

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hoàng Kế Thiết

TRƯ

KH

Ngày in: 14:34 28/01/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100034	Phạm Thị Hồng	Duyên	21/05/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
2	2010100010	Từ Thị Mỹ	Duyên	01/01/2002		5.0	Năm	C22QT1	
3	2010100016	Nguyễn Thị Hồng	Đào	05/07/2002		6.0	Sáu	C22QT1	
4	2010100004	Lương Diễm	Hằng	28/07/2001		7.0	Bảy	C22QT1	
5	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	29/09/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
6	2010100021	Trần Thị Bảo	Hân	26/04/2002		6.0	Sáu	C22QT1	
7	2010100006	Nguyễn Văn	Hoàn	08/03/2001		9.0	Chín	C22QT1	
8	2010100069	Nguyễn Nhật	Huy	29/10/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
9	2010100059	Đoàn Thị Diễm	Kiều	02/02/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
10	2010100070	Hà Thị Phương	Kiều	13/02/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
11	2010130043	Nguyễn Thị Nhật	Lan	23/10/2002				C22QT1	Cấm thi nghỉ 2 buổi
12	2010100033	Lê Hoàng	Long	09/10/2002		8.0	Tám	C22QT1	
13	2010100026	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/06/2002		6.0	Sáu	C22QT1	
14	2010100031	Nguyễn Trúc	Mai	12/12/2002		5.0	Năm	C22QT1	
15	2010100013	Võ Hoàng	Nam	15/10/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
16	2010100027	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/06/2002		6.0	Sáu	C22QT1	
17	2010100071	Phan Vũ Hồng	Ngọc	09/08/2002		6.0	Sáu	C22QT2	
18	2010100052	Trần Thành	Nhân	24/05/2002		8.0	Tám	C22QT2	
19	2010010043	Lê Huỳnh	Như	28/08/2002		8.0	Tám	C22QT1	
20	2010100029	Võ Trúc	Như	13/04/2001		7.0	Bảy	C22QT1	
21	2010100032	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	07/07/2001		7.0	Bảy	C22QT1	
22	2010100009	Tạ Ngọc Như	Quỳnh	22/09/1999		6.0	Sáu	C22QT1	
23	2010100067	Nguyễn Việt	Thanh	05/05/2001		8.0	Tám	C22QT2	
24	2010100024	Đỗ Thị Thu	Thảo	04/10/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
25	2010100056	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	30/09/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
26	2010100015	Nguyễn Thị Anh	Thi	30/05/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
27	2010100011	Nguyễn Anh	Thư	12/05/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
28	2010100001	Nguyễn Thị Minh	Thư	06/03/2001		7.0	Bảy	C22QT1	
29	2010100025	Trần Thị Minh	Thư	15/10/2002		6.0	Sáu	C22QT1	
30	2010100017	Nguyễn Thị Bích	Trăm	05/07/2002		5.0	Năm	C22QT1	
31	2010100035	Võ Thị Ngọc	Trâm	17/12/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
32	2010100012	Đào Thị Diễm	Trinh	18/12/2002		6.0	Sáu	C22QT1	
33	2010100014	Phạm Thị Phương	Trinh	06/07/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
34	2010100022	Võ Thị Cẩm	Vân	14/02/2002		7.0	Bảy	C22QT1	

Ngày in: 14:34 28/01/2021

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100061	Nguyễn Thị Thúy	**Vy**	11/05/2002	Vy	7.0	Bảy	C22QT2	
36	2010100023	Huỳnh Bảo	**Yến**	11/11/2002	Yến	7.0	Bảy.	C22QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 35 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi:** 35 / 36 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 35 / 01 **Tỷ lệ đạt:** 97,2 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 29 tháng 01 năm 21

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hoàng Tố Nhiên

TRƯỜN

KHẢC

Ngày in: 14:34 28/01/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900501 **Số tín chỉ: 1**

Giảng viên giảng dạy: Trần Hoàng Lê Khiết - (06024)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100034	Phạm Thị Hồng	**Duyên**	21/05/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
2	2010100010	Từ Thị Mỹ	**Duyên**	01/01/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
3	2010100016	Nguyễn Thị Hồng	**Đào**	05/07/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
4	2010100004	Lương Diễm	**Hằng**	28/07/2001		8.0	Tám	C22QT1	
5	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ	**Hân**	29/09/2002		9.0	Chín	C22QT2	
6	2010100021	Trần Thị Bảo	**Hân**	26/04/2002		8.0	Tám	C22QT1	
7	2010100006	Nguyễn Văn	**Hoàn**	08/03/2001		9.0	Chín	C22QT1	
8	2010100069	Nguyễn Nhật	**Huy**	29/10/2002		8.0	Tám	C22QT2	
9	2010100059	Đoàn Thị Diễm	**Kiều**	02/02/2002		8.0	Tám	C22QT2	
10	2010100070	Hà Thị Phương	**Kiều**	13/02/2002		9.0	Chín	C22QT2	
11	2010130043	Nguyễn Thị Nhật	**Lan**	23/10/2002				C22QT1	Cấm thi, ghỉ không phép
12	2010100033	Lê Hoàng	**Long**	09/10/2002		8.0	Tám	C22QT1	
13	2010100026	Nguyễn Thị Xuân	**Mai**	27/06/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
14	2010100031	Nguyễn Trúc	**Mai**	12/12/2002		6.0	Sáu	C22QT1	
15	2010100013	Võ Hoàng	**Nam**	15/10/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
16	2010100027	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**	29/06/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
17	2010100071	Phan Vũ Hồng	**Ngọc**	09/08/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
18	2010100052	Trần Thành	**Nhân**	24/05/2002		8.0	Tám	C22QT2	
19	2010010043	Lê Huỳnh	**Như**	28/08/2002		9.0	Chín	C22QT1	
20	2010100029	Võ Trúc	**Như**	13/04/2001		8.0	Tám	C22QT1	
21	2010100032	Nguyễn Thị Hồng	**Phúc**	07/07/2001		7.0	Bảy	C22QT1	
22	2010100009	Tạ Ngọc Như	**Quỳnh**	22/09/1999		7.0	Bảy	C22QT1	
23	2010100067	Nguyễn Việt	**Thanh**	05/05/2001		8.0	Tám	C22QT2	
24	2010100024	Đỗ Thị Thu	**Thảo**	04/10/2002		9.0	Chín	C22QT1	
25	2010100056	Nguyễn Thị Thanh	**Thảo**	30/09/2002		9.0	Chín	C22QT2	
26	2010100015	Nguyễn Thị Anh	**Thi**	30/05/2002		8.0	Tám	C22QT1	
27	2010100011	Nguyễn Anh	**Thư**	12/05/2002		8.0	Tám	C22QT1	
28	2010100001	Nguyễn Thị Minh	**Thư**	06/03/2001		7.0	Bảy	C22QT1	
29	2010100025	Trần Thị Minh	**Thư**	15/10/2002		7.0	Bảy	C22QT1	
30	2010100017	Nguyễn Thị Bích	**Trăm**	05/07/2002		6.0	Sáu	C22QT1	
31	2010100035	Võ Thị Ngọc	**Trâm**	17/12/2002		8.0	Tám	C22QT1	
32	2010100012	Đào Thị Diễm	**Trinh**	18/12/2002		8.0	Tám	C22QT1	
33	2010100014	Phạm Thị Phương	**Trinh**	06/07/2002		8.0	Tám	C22QT1	
34	2010100022	Võ Thị Cẩm	**Vân**	14/02/2002		7.0	Bảy	C22QT1	

Ngày in: 14:33 28/01/2021

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100061	Nguyễn Thị Thúy	Vy	11/05/2002		7.0	Bảy	C22QT2	
36	2010100023	Huỳnh Bảo	Yến	11/11/2002		7.0	Bảy.	C22QT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 35 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi:** 35 / 36 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 35 / 01 **Tỷ lệ đạt:** 97,2 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 28 *tháng* 01 *năm* 21

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hoàng Tú Chiêu

Ngày in: 14:33 28/01/2021